

TRADITIONAL MORAL EDUCATION FOR VIETNAMESE STUDENTS IN THE INTEGRATION PERIOD

Dang Thi Kim Anh

Ton Duc Thang University

Email: dangthikimanh@tdtu.edu.vn

Received: 03/10/2024; Reviewed: 17/10/2024; Revised: 25/10/2024; Accepted: 28/10/2024; Released: 20/11/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/372>

Improving the quality of education and training, implementing comprehensive education between equipping knowledge and training qualities, culture and behavior for the future generations of the country, contributing to building and developing Vietnamese culture and people to meet the requirements of sustainable national development in the spirit of Resolution 9 of the 11th Central Committee (June 9th, 2014).

Keywords: Education; Morality; Tradition; Student; Integration.

1. Đặt vấn đề

Dưới tác động của tiến trình toàn cầu hoá hiện nay và sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và nền kinh tế thị trường đã làm cho kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước phát triển, đời sống của nhân dân từng bước được nâng lên rõ rệt, Việt Nam ngày càng khẳng định được vị thế trên trường quốc tế. Song bên cạnh đó, tận dụng những yếu tố mặt trái của Cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động đến nhiều lực lượng xã hội, trong đó có thanh niên và học sinh, sinh viên (SV). Đây là lực lượng đóng vai trò quan trọng đối với chiến lược phát triển con người toàn diện nhằm phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính vì vậy, việc giáo dục đạo đức (GDĐĐ) đối với sự hình thành và phát triển nhân cách cho SV có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Trước hết, việc GDĐĐ sẽ tạo động lực thôi thúc SV hăng hái quyết tâm nghiên cứu học tập, tiếp thu tri thức khoa học để nâng cao trình độ nhận thức, cô vũ, động viên SV tự ý thức, tự rèn luyện, hình thành niềm tin, hình thành thể giới quan khoa học cho mình. GDĐĐ góp phần tích cực trong quá trình xây dựng phẩm chất đạo đức cá nhân và xây dựng những phẩm chất ý chí, tính kỷ luật, cách ứng xử có văn hóa và bảo vệ sinh viên. Thông qua GDĐĐ, các giá trị đạo đức (GTĐĐ) truyền thống của dân tộc được SV tiếp nhận, kế thừa có chọn lọc và tiếp thu những giá trị hiện đại như: ý thức tổ chức, kỷ luật, tác phong công nghiệp, thái độ tôn trọng và tuân thủ pháp luật... để xây dựng, bồi dưỡng nhân cách mới cho con người Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

GDĐĐ truyền thống được hình thành, phát triển từ thực tiễn đấu tranh chinh phục tự nhiên, chống thiên tai, địch họa, xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc ta. SV là những

người trẻ, khoẻ, trí tuệ, nhiệt huyết, xung kích, sáng tạo đi đầu trong mọi hoạt động, tiếp thu và ứng dụng rất nhanh những thành tựu của khoa học công nghệ vào đời sống, dám đối mặt với khó khăn, thử thách. Tuy nhiên, thanh niên, SV cũng rất nhạy cảm, có bản tính phiêu lưu dễ hành động thiếu chín chắn, mang tính bột phát, thích khám phá để chứng minh khả năng bản thân trước tập thể, chưa có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn. Do vậy, vai trò của giáo dục (GD) GTĐĐ truyền thống dân tộc cho SV là hết sức cần thiết. GD GTĐĐ truyền thống dân tộc cho SV trong giai đoạn hiện nay có vai trò đặc biệt quan trọng. Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “Tăng cường GD lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.143). Một mặt, khơi dậy truyền thống, đạo lý tốt đẹp của dân tộc, mặt khác đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ gặt gao cho SV - những người có tri thức, trình độ cần giữ gìn và phát huy GTĐĐ truyền thống dân tộc, để phát triển kinh tế - xã hội một cách ổn định, bền vững đất nước; góp phần xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam, đáp ứng với những đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, hùng cường, thịnh vượng, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hiện nay, có rất nhiều quan niệm khác nhau về giá trị. Có thể cho rằng, “giá trị là cái có ý nghĩa đối với xã hội, tập thể và cá nhân, phản ánh mối quan hệ chủ thể - khách thể, được đánh giá xuất phát từ những điều kiện xã hội - lịch sử cụ thể và phụ thuộc vào trình độ phát triển nhân cách” (Tuyên, 1994, tr.2).

GDĐĐ là một bộ phận trong hệ giá trị tinh thần của đời sống xã hội và được con người lựa chọn,

nhằm điều chỉnh và đánh giá hành vi ứng xử giữa con người với con người, con người với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội. GTĐĐ biến đổi theo sự biến đổi của đời sống xã hội.

Về khái niệm truyền thống, trong lịch sử đã từng tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này. Một cách khái quát, “nói đến truyền thống là nói đến phức hợp những tư tưởng, tình cảm, tập quán, thói quen, những phong tục, lối sống, cách ứng xử, ý chí... của một cộng đồng người đã hình thành trong lịch sử, đã trở nên ổn định và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác” (Chuẩn & Huyền, 2002, tr.16-17).

Dưới góc độ khoa học, truyền thống được hiểu theo hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất, truyền thống là những giá trị tốt đẹp, được lưu truyền từ đời này qua đời khác, đứng vững được trong thời gian và có thể đương đầu với những biến động của lịch sử. Hơn nữa, những giá trị ấy có khả năng tạo ra sức mạnh, sản sinh ra các giá trị mới, đem lại lợi ích cho con người. Mặc dù vậy, cũng có những “truyền thống” thể hiện sự tiêu cực, cản trở sự phát triển và tiến bộ.

Tuy vậy, truyền thống suy cho cùng vẫn là cái thuộc về lịch sử; vì thế nó không thể đặc trưng cho xã hội hiện đại. Cái làm nên đặc trưng của xã hội hiện đại phải là những giá trị nảy sinh trong điều kiện KT-XH mới. Đến lượt mình, chúng lại là cơ sở, tiền đề để đi đến tương lai. Về điều này, J. Derrida trong tác phẩm “Những bóng ma của C. Mác”, đã nói rằng: “Không một di sản nào để lại mà không kèm theo một trách nhiệm. Một di sản bao giờ cũng là sự tái khẳng định một món nợ, nhưng là tái khẳng định có phê phán, chọn lọc và sàng lọc” (J. Derrida, J, 1994, tr.192).

Ở Việt Nam, các GTĐĐ truyền thống của dân tộc đã được nhiều học giả bàn tới. Theo Giáo sư Vũ Khiêu (1974), GTĐĐ truyền thống của dân tộc Việt Nam bao gồm: lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, lao động cần cù và sáng tạo, tinh thần nhân đạo, lòng thương người và quý trọng con người. Còn Giáo sư Trần Văn Giàu (1993) cho rằng, các GTĐĐ truyền thống của dân tộc Việt Nam bao gồm: yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, lạc quan, thương người, vì nghĩa. Theo quan điểm của Đảng và Nhà nước ta thể hiện trong Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng đã khẳng định: “Những giá trị văn hóa truyền thống vững bền của dân tộc Việt Nam là lòng yêu nước nồng nàn, ý thức cộng đồng sâu sắc, đạo lý thương người như thể thương thân, đức tính cần cù, vượt khó, sáng tạo trong lao động... Đó là nền tảng và sức mạnh tinh thần to lớn để nhân dân ta xây dựng một xã hội phát triển, tiến bộ, công bằng, nhân ái” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1995, tr.19).

Từ những quan điểm trên, có thể thấy, GDĐĐ

truyền thống của dân tộc Việt Nam bao gồm: tinh thần yêu nước nồng nàn; lòng yêu thương con người sâu sắc, trọng nghĩa tình, thủy chung; tinh thần đoàn kết cộng đồng; đức tính cần kiệm, khiêm tốn, giản dị, trung thực; dũng cảm, kiên cường; cần cù, sáng tạo.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu vấn đề, bài viết sử dụng cơ sở lý luận và phương pháp tiếp cận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa, tư tưởng. Phương pháp liên ngành văn hóa học và sử học để nhận diện các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam và sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phân tích, tổng hợp, nghiên cứu tư liệu, điều tra xã hội học... nhằm thực hiện mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Giáo dục lòng yêu nước

Yêu quê hương đất nước là một tình cảm quý giá của con người được nảy sinh và phát triển trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc. Biểu hiện của lòng yêu nước đó là tình yêu thiết tha quê hương, đất nước, ý thức chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Tình cảm ấy đã được khơi nguồn từ thời Hùng Vương dựng nước, từ tinh thần của Hai Bà Trưng quyết “đền nợ nước, trả thù nhà”, từ ý chí quật cường của Bà Triệu “cuời con gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, đánh tan quân Ngô, giành lại giang sơn”. Tình cảm ấy được tiếp nối và phát triển ở sự khẳng định ý chí bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia của Lý Thường Kiệt với bài thơ thần đọc trên sông Như Nguyệt làm khiếp đảm tinh thần kẻ xâm lược; ở hào khí Đông A của nhà Trần với tinh thần “sát Thát”; ở những câu thơ sáng khoái, đầy hào khí dân tộc của Vua Quang Trung khi đại phá 20 vạn quân Thanh: “đánh cho dài tóc, đánh cho đen răng, đánh cho biết Nam quốc anh hùng chi hữ chủ”.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, lòng yêu nước Việt Nam trên lập trường của giai cấp công nhân, đi theo con đường cách mạng vô sản. Lòng yêu nước không chỉ bó hẹp trong quốc gia Việt Nam mà được nâng lên tầm cao mới, đi đúng với xu thế phát triển của thời đại, với khát vọng cháy bỏng của loài người “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”. Lòng yêu nước Việt Nam thể hiện mong muốn, khát vọng của các dân tộc đang bị chủ nghĩa đế quốc, thực dân áp bức, bóc lột “đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, âm no trên quả đất, việc làm cho mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc” (Ban Bí thư Trung ương Đảng, 2002a, tr.461).

Xã hội hiện đại đòi hỏi chúng ta phải nhận thức

một cách đầy đủ về tính chất, nội dung, đặc điểm, mâu thuẫn của nó, trên cơ sở đó GD cho SV lòng yêu nước và tinh thần quốc tế phù hợp với hoàn cảnh lịch sử mới. GD lòng yêu nước nhằm hình thành và phát triển nhân cách cho SV hiện nay là GD: tình yêu đối với đất nước, lòng trung thành với Tổ quốc và khát vọng được phục vụ những lợi ích của Tổ quốc và nhân dân; là học tập, lao động sáng tạo, rèn đức, luyện tài vì ngày mai lập thân, lập nghiệp.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, SV phải tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc; nêu cao ý chí tự lực, tự cường vươn lên lập thân, lập nghiệp. Phong trào SV tình nguyện, phong trào tiên quân vào khoa học công nghệ, phong trào hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi... đã góp phần tạo dựng nên hình ảnh người SV Việt Nam trong hội nhập và phát triển.

Để tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được thì mỗi SV Việt Nam phải biến lòng yêu nước, cùng với lòng kính trọng nhân dân, với Tổ quốc thành tình cảm đạo đức, thành niềm tin, thành sức mạnh, thành thực tiễn đạo đức, ra sức học tập, rèn luyện tu dưỡng phấn đấu để xây dựng một Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

4.2. Giáo dục lòng yêu thương con người

Suốt quá trình dựng nước và giữ nước, nhân dân Việt Nam phải đương đầu với biết bao nhiêu khó khăn, thách thức: thiên tai, địch họa, chiến tranh liên tục diễn ra. Trước hoàn cảnh đó, nhân dân ta vẫn sống với một sức sống mãnh liệt, họ đã tìm đến với nhau, thương yêu và đồng cảm với nhau. Họ đã sẵn sàng “thương nhau chia củ sắn lùi, bát cơm sê nửa, chăn sui đắp cùng”, với tinh thần “nuông cơm sê áo”, “lá lành đùm lá rách”. Cha ông ta đã làm nên một truyền thống để lại cho con cháu ngàn đời, như một lời răn dạy: “nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng”. Lòng yêu thương con người của nhân dân ta còn thể hiện ở cách ứng xử đối với kẻ thù khi chúng bị thất bại: “lấy nhân nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo”, ở lòng vị tha với những kẻ lầm đường, lạc lối, để họ biết lập công chuộc tội, trở về với con đường hiếu sinh: “đánh kẻ chạy đi, ai đánh người chạy lại”. Đây là một trong những nét đặc sắc thể hiện đỉnh cao của nhân ái, của tình yêu thương con người ở dân tộc Việt Nam.

Toàn cầu hoá và nền kinh tế thị trường đã làm cho các GTĐĐ của xã hội có sự thay đổi nhất định, sức cám dỗ của đồng tiền đã và đang làm vẩn đục, làm ô nhiễm phần nào môi trường xã hội nhân văn và đang đặt những GTĐĐ trước những thử thách nghiệt ngã. GD lòng yêu thương và quý trọng con người đối với việc hình thành và phát triển nhân cách cho SV là GD thái độ thiện chí, sự cảm thông,

tình thương yêu sâu sắc giữa con người với con người. Sự tận tụy phục vụ lợi ích của con người, đem lại tự do hạnh phúc cho con người, thủ tiêu tất cả mọi áp bức, mọi bất bình đẳng trong xã hội, mọi người đều được tự do, đặc biệt là quyền làm người.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lòng yêu thương con người đòi hỏi mỗi SV phải biết chống lại những thói hư tật xấu, chống lại những biểu hiện xâm hại đến lợi ích chính đáng của nhân dân lao động. Tích cực đấu tranh chống nghèo nàn, lạc hậu, chống lại những hủ tục, chống lại tư duy bảo thủ trì trệ và tích cực tham gia vào việc xây dựng nếp sống mới, lối sống mới. Đó cũng là một trong những biểu hiện của truyền thống yêu thương con người trong xã hội hiện đại.

4.3. Giáo dục đức tính cần cù, tiết kiệm

Đây cũng là một trong những GTĐĐ nổi bật trong hệ giá trị truyền thống của dân tộc. Việt Nam xuất phát điểm từ một nước có nền nông nghiệp lâu đời, với kết cấu công xã nông thôn bền chặt. Lao động nông nghiệp là loại hình sản xuất vất vả “một nắng, hai sương”, “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời”, cần nhiều thời gian, công sức mới có hạt cơm, bát gạo để ăn. Hơn nữa, thiên nhiên lại rất khắc nghiệt, mùa nắng thì hạn cháy đồng, mùa mưa thì lũ lụt. Để hạn chế sự tàn phá của thiên nhiên, người dân Việt Nam quanh năm, suốt tháng phải lo đắp đập, đắp đê, đào mương lấy nước tưới cho cây trồng. Theo sự tổng kết của giáo sư Trần Văn Giàu (1993), người nước ngoài đến Việt Nam đều hết sức kinh ngạc khi nhìn thấy mọi cơ năng của con người Việt Nam đều được sử dụng để làm việc: đầu đội, vai gánh, lưng cõng, tay nhanh nhẹn và khéo léo, chân chạy như bay.

Cùng với thiên tai khắc nghiệt, những cuộc chiến tranh xâm lược của các thế lực bên ngoài càng làm cho đời sống nhân dân ta thêm phần khó khăn, nền kinh tế đất nước bị tàn phá, lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực. Nhưng trong bất kỳ tình huống nào, người dân Việt Nam vẫn anh dũng bám đất, bám làng, vừa lao động sản xuất để nuôi sống mình vừa đánh giặc để bảo vệ đất nước. Lao động cần cù, dũng cảm, như một tất yếu để bảo đảm cho sự sinh tồn của dân tộc.

Lao động cần cù, tiết kiệm đã đi sâu vào tiềm thức của nhân dân, trở thành một đức tính của con người Việt Nam. Lao động cần cù là nguồn gốc của mọi của cải, là ám no hạnh phúc của mỗi gia đình: “năng nhặt, chặt bị”, “kiến tha lâu đầy tổ”, “bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu”.

Quý trọng lao động, người Việt luôn tỏ thái độ phê phán thói lười biếng “ăn không ngồi rồi”, bởi với họ “nhàn cư vi bất thiện”. Trong lao động và học tập, người Việt luôn bổ sung mọi khiếm khuyết về trí tuệ “cần cù bù thông minh”, “có công mài sắt, có ngày nên kim”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đánh giá rất cao đức tính cần cù, tiết kiệm, Người coi đây là hai phẩm chất có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Người khẳng định: “cần mà không kiệm thì như thùng đựng nước mà không có đáy, nhà không có vách”; “một dân tộc biết cần, kiệm, biết liêm là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh tiến bộ” (Ban Bí thư Trung ương Đảng, 2002b, tr.642).

Đối với SV, GD đức tính cần cù, tiết kiệm là GD tình yêu lao động, yêu quý những gì mà họ đang được thụ hưởng về đời sống vật chất và tinh thần. Lao động có vị trí và vai trò vô cùng to lớn đối với sự phát triển của cá nhân loại nói chung và đất nước Việt Nam nói riêng, đúng như Ph.Ăngghen viết “Lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: lao động đã sáng tạo ra bản thân con người” (Hội đồng xuất bản C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, 1993, tr.641).

Kế thừa đức tính cần cù, tiết kiệm, lao động sáng tạo của dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay, đòi hỏi các chủ thể giáo dục phải giáo dục cho SV sự cần cù tích lũy kiến thức “kiến tha lâu đầy tổ” và tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ. Phải giáo dục cho SV biết sống bằng lao động trung thực, bằng chính những gì mà họ đang được tích lũy kiến thức ở bậc đại học. Mặt khác, giúp cho SV vượt qua mọi trở ngại của cuộc sống và có điều kiện phát huy sự sáng tạo để đóng góp cho xã hội, góp phần đem lại hạnh phúc cho cộng đồng, dân tộc.

4.4. Giáo dục tinh thần đoàn kết

Giá trị truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam được hình thành, củng cố, thử thách trước sự đe dọa thường xuyên của giặc ngoại xâm do những thế lực phong kiến và những thế lực thực dân, đế quốc gây ra. Trong bối cảnh đó, các thành phần dân cư khác nhau đã tự nguyện đoàn kết để bảo vệ sự sống còn của bản thân mình, bảo vệ quê hương, làng xóm và hình thành nên một sức mạnh hết sức to lớn: “đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công” theo tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, GD tinh thần đoàn kết cho SV Việt Nam trước hết là GD SV ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc. GD tinh thần phục vụ nhân dân cho SV, GD trách nhiệm của SV trước cộng đồng, trước mọi người với tinh thần tự nguyện. Hình ảnh những SV tình nguyện tỏa về mọi miền đất nước, về với nhân dân “cùng ăn, cùng ở, cùng làm việc với nhân dân” có sức lan tỏa hết sức to lớn trong cộng đồng xã hội, đồng thời cũng tác động trở lại định hướng giá trị, lối sống của SV: sống vì mọi người, vì cộng đồng, vì sự phát triển xã hội.

Hợp tác và cạnh tranh, hội nhập và phát triển

đang là xu thế chung của thế giới hiện đại. Vì vậy, sự quan tâm giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau là một yêu cầu tất yếu đối với mọi người, trong đó có tầng lớp SV. GD cho SV tất cả vì cộng đồng là sự tự giác của cá nhân vì lý tưởng cao quý của con người. Nó biểu hiện bằng sự thông nhất của tình bạn, tình đồng chí, tình đồng nghiệp, tinh thần trách nhiệm, thái độ tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau nhằm đảm bảo cho các cá nhân phát triển cao nhất, phục vụ cho lợi ích xã hội.

4.5. Giáo dục tinh thần hiếu học

Truyền thống “tôn sư trọng đạo” đã có từ lâu đời và trở thành đạo lý sống của mỗi con người Việt Nam. Trong lịch sử Việt Nam người thầy luôn luôn được tôn trọng, kính phục: Chu Văn An, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Tất Thành, Đặng Thai Mai, Võ Nguyên Giáp, Tạ Quang Bửu...

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, mở cửa giao lưu văn hoá - GD với các nước trên thế giới, tiếp thu những yếu tố hợp lý tiến bộ, văn minh, những thành tựu GD mà nhân loại đã đạt được trở thành một trong những yếu tố quan trọng để GD nước nhà phát triển. Toàn cầu hoá là xu hướng tất yếu hiện nay, đây là quá trình hợp tác để phát triển, vừa là quá trình đấu tranh của các nước đang phát triển để bảo vệ lợi ích quốc gia. Cạnh tranh trong các lĩnh vực ngày càng quyết liệt, điều đó đòi hỏi mỗi quốc gia phải điều chỉnh, cải cách chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để tạo ra lợi thế cạnh tranh. GD cho SV tinh thần hiếu học, tôn sư, trọng giáo trở thành yêu cầu cấp thiết trong thời đại ngày nay, thời đại của kinh tế tri thức đồng thời thể hiện sự thống nhất biện chứng giữa phẩm chất đạo đức và năng lực trong cấu trúc nhân cách của SV. Để làm được điều đó thì cần phải GD cho SV ý thức tự giác, sáng tạo, trong học tập và nghiên cứu khoa học theo tinh thần và khẩu hiệu hành động “bản lĩnh - học tập - sáng tạo - tình nguyện - hội nhập,” đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc Hội sinh viên Việt Nam lần thứ X nhiệm kỳ 2018-2023 thông qua (Thiện, 2019).

5. Thảo luận

Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đặt ra yêu cầu: “Tiếp tục đổi mới đồng bộ nội dung, mục tiêu, chương trình, phương thức, phương pháp GD và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển KT-XH, khoa học công nghệ, thích ứng với Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.136). Hơn nữa, bối cảnh thực tế của đời sống xã hội đã và đang đặt ra cho các cấp, các ngành phải không ngừng quan tâm, chăm lo bồi dưỡng thanh niên nói chung và SV hiện nay nói riêng về mọi mặt, nhất là GDĐĐ truyền thống để SV không quên đi quá khứ dân tộc, lấy đó làm động lực, mục tiêu, hành trang trên con đường “lập thân, lập nghiệp”; trong đó cần:

(1) Đẩy mạnh tuyên truyền, GD nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho SV về vai trò của GDĐĐ truyền thống. Đây là biện pháp quan trọng có ý nghĩa hàng đầu để nâng cao chất lượng GDĐĐ truyền thống cho SV hiện nay.

Các chủ thể làm công tác quản lý, GD, bồi dưỡng trong cơ sở GD đại học như: giảng viên, phòng quản lý SV, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên... thường xuyên tuyên truyền, GD cho SV về quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về thanh niên và công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; chỉ thị, quy định của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam thời kỳ mới; mục tiêu cuộc vận động xây dựng hình mẫu thanh niên tâm trong, trí sáng, hoài bão lớn của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh...

(2) Thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp bồi dưỡng đạo đức truyền thống cho SV các trường đại học.

Về nội dung: trước tiên bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; bồi dưỡng đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của Chủ tịch Hồ Chí Minh; những chiến công hiển hách, chói ngời trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay; thành tựu của đất nước đạt được qua gần 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng; bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào dân tộc cho SV không mơ hồ, ảo tưởng vào sự giúp đỡ ở bên ngoài, tin tưởng vào chính mình, vào nội lực, sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc...

Lồng ghép nội dung bồi dưỡng đạo đức truyền thống vào các bài giảng trong chương trình đào tạo và thông qua hoạt động thực tiễn, trải nghiệm của SV do Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức; kết hợp chặt chẽ nội dung bồi dưỡng mang tính truyền thống với những vấn đề mới của xã hội đã, đang và sẽ diễn ra hiện nay, đó là kỹ năng sống, giải quyết tình huống, sự việc xảy ra trong quan hệ giao tiếp, ứng xử ở lớp học và bên ngoài xã hội; sự quan tâm, sẻ chia, giúp đỡ gia đình và xã hội bằng vật chất và tinh thần; những tấm gương SV nghèo vượt khó, không cam chịu đói nghèo, lạc hậu, nỗ lực phấn đấu vươn lên ở mọi lúc, mọi nơi...

Về hình thức, phương pháp: bồi dưỡng cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo, không dập khuôn, máy móc, thụ động của các chủ thể lãnh đạo, quản lý, bồi dưỡng SV. Thông qua kết quả thi kiểm tra kết thúc học phần, môn học để đánh giá chất lượng của hoạt động bồi dưỡng của SV; thông qua hoạt động thực tiễn ở đơn vị, tham gia nhiệt tình, trách nhiệm vào

các phong trào đoàn, Hội Sinh viên tổ chức; thông qua thi đua, khen thưởng, tôn vinh, biểu dương gương người tốt, việc tốt, nhân rộng điển hình tiên tiến đối với những SV đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện, tham gia vào hoạt động phong trào, nghiên cứu khoa học.

(3) Kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội bồi dưỡng đạo đức truyền thống cho SV các trường đại học.

Gia đình, nhà trường và xã hội là 3 trụ cột quan trọng chủ yếu để bồi dưỡng đạo đức truyền thống cho SV hiện nay và thời gian tới, trong đó bồi dưỡng gia đình là nền tảng vững chắc, động lực chủ yếu quyết định đến sự trưởng thành, phát triển của SV; bồi dưỡng nhà trường là cơ sở hướng SV đến những suy nghĩ, hành động đúng với pháp luật Nhà nước, nội quy nhà trường; bồi dưỡng xã hội là môi trường phong phú, đa dạng để sinh viên phát huy nội dung đã được gia đình, nhà trường bồi dưỡng thông qua cách ứng xử, giải quyết công việc đạt được mục tiêu, kết quả đề ra.

(4) Phát huy tính tích cực, chủ động của SV tự bồi dưỡng về đạo đức truyền thống đáp ứng với mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục - đào tạo hiện nay.

Tính tích cực, chủ động của SV trong tự bồi dưỡng về đạo đức truyền thống là quá trình tự thân vận động trên cơ sở định hướng, giúp đỡ của chủ thể quản lý, bồi dưỡng về nội dung, hình thức, phương pháp. SV vừa là đối tượng của bồi dưỡng vừa là chủ thể của sự tự bồi dưỡng, cần đánh thức, khơi dậy tính năng động, sáng tạo của mình ở mọi lúc, mọi nơi. Không ai có thể làm thay, làm hộ được bằng chính sự nỗ lực, cố gắng vươn lên ở mọi lúc, mọi nơi của SV đối với việc tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức, lối sống. Đó là sự vượt qua cảm dỗ, chiến thắng bản thân mình một cách tốt nhất, không hài lòng với kết quả đã có, mà luôn khiêm tốn, học hỏi cầu tiến bộ theo phương châm không biết thì học, yếu chỗ nào thì bồi dưỡng chỗ đấy. Theo đó, tính tích cực, chủ động của SV phải được thể hiện ở tinh thần, trách nhiệm cao với bản thân, gia đình và xã hội; ở việc xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng, rèn luyện với công việc, nhiệm vụ được phân công; ở sự lắng nghe, quan sát mọi người xung quanh; phải tự mình thường xuyên trau dồi đạo đức, lối sống, nhất là trong quan hệ ứng xử văn hóa với môi trường xã hội và môi trường tự nhiên; tự đặt mình vào trong tổ chức, không được đứng trên tổ chức hoặc đứng ngoài tổ chức; phải tranh thủ từng giờ, từng phút để học tập, rèn luyện, bổ sung kinh nghiệm, vốn sống, sự hiểu biết cho bản thân về các lĩnh vực của đời sống xã hội; đồng thời, chủ động nắm bắt thời cơ, vận hội, tạo điều kiện thuận lợi, hành trang về mọi mặt để thực hiện các dự định tương lai đã đặt ra. Mỗi sinh viên sau này dù đi đâu, làm gì, ở vị trí nào đi chăng nữa đều phải tự mình vươn lên, không thể trông chờ vào sự

giúp đỡ của người khác, coi đó chỉ là những ý kiến tham khảo, định hướng, quyết định vẫn ở chính mỗi SV, ở sự chín chắn, độc lập trong suy nghĩ, hành động của họ.

6. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập thế giới hiện nay, vấn đề con người lại càng được coi trọng. SV được coi là tương lai tri thức của đất nước, là lực lượng tiên phong trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xây dựng con người Việt

Nam theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9, khoá XI về văn hóa, nhân văn, đạo đức và trí tuệ cũng là một trong những nội dung góp phần đổi mới GD đại học giai đoạn hiện nay. Do đó, việc GDĐĐ cho SV, thanh niên hiện nay rất quan trọng. Việc nắm bắt tâm lý, sở thích và lý tưởng tuổi trẻ cùng với việc nhận diện và xác định những chủ đề, tấm gương, câu chuyện mang tính chất truyền cảm hứng, nêu cao ý thức trách nhiệm công dân và suy nghĩ, nỗ lực cho sự hùng cường của dân tộc sẽ là bài học GDĐĐ truyền thống hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

- Ban Bí thư Trung ương Đảng. (2002a). *Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 1*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Ban Bí thư Trung ương Đảng. (2002b). *Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 5*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Ban Bí thư Trung ương Đảng. (2002c). *Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 11*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (1995). *Nghị quyết về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Hội đồng xuất bản C.Mác và Ph.Ăngghen. (1993). *C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập, tập 8*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Hội đồng xuất bản C.Mác và Ph.Ăngghen. (2004). *C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập, tập 20*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.

- J. Derrida, J. (1994). *Những bóng ma của C.Mác*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Chinh, N. T. (2018). Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống Việt Nam cho sinh viên hiện nay. *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt kỳ 1 (tháng 5).
- Chuẩn, N. T., & Huyền. (2002). *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Tuyên, T. D. (1994). *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam*. Đề tài KX-07-10, Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước.
- Giàu, T. G. (1993). *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
- Thiện, V. M. (2019). *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Sinh viên Việt Nam lần thứ X, nhiệm kỳ 2018-2023*.
- Khiêu, V. (1974). *Đạo đức học*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CHO SINH VIÊN VIỆT NAM THỜI KỲ HỘI NHẬP

Đặng Thị Kim Ánh

Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Email: dangthikimanh@tdtu.edu.vn

Nhận bài: 03/10/2024; Phân biên: 17/10/2024; Tác giả sửa: 25/10/2024; Duyệt đăng: 28/10/2024; Phát hành: 20/11/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/372>

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc cho sinh viên là nội dung, biện pháp quan trọng của việc đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, thực hiện giáo dục toàn diện giữa trang bị kiến thức với rèn luyện phẩm chất, văn hóa, ứng xử cho thế hệ tương lai của đất nước, góp phần xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9, khoá XI (ngày 09/6/2014).

Từ khóa: Giáo dục; Đạo đức; Truyền thống; Sinh viên; Hội nhập.